

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 – 27
PHỤ LỤC I	28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, được thành lập theo Quyết định số 35/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 03 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm đồng cấp ngày 28 tháng 05 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh Giấy phép như sau:

- Lần 1: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 29 tháng 06 năm 2004, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 15.000.000.000 VND.
- Lần 2: Giấy xác nhận số 683/KHĐT-ĐKKD ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi Tên Công ty thành “ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng”.
- Lần 3: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 13 tháng 04 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND.
- Lần 4: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 18 tháng 06 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 41.391.600.000 VND.
- Lần 5: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059249 ngày 22 tháng 04 năm 2009, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 41.391.600.000 VND lên 85.000.000.000 VND.
- Lần 6: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số (mã số doanh nghiệp và mã số thuế) 5800391633 ngày 04 tháng 06 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung ngành trồng rừng.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy phép như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
1.	Ông Lương Hùng Minh	6.670	66.700.000
2.	Ông Phạm Tuấn Anh	1.850	18.500.000
3.	Ông Trần Quang Long	5.000	50.000.000
4.	Ông Võ Xuân Sơn	3.000	30.000.000
5.	Bà Phạm Thị Mỹ Dung	5.000	50.000.000
6.	Ông Trần Thu	2.000	20.000.000
7.	Ông Võ Lai	2.000	20.000.000
8.	Ông Lê Cao Ân	1.000	10.000.000
9.	Ông Võ Chí	2.100	21.000.000
10.	Vốn Nhà Nước	510.000	5.100.000.000
11.	Vốn Cổ đông sáng lập khác	461.380	4.613.800.000
12.	Cổ đông thường	7.500.000	75.000.000.000
	<i>Cộng</i>	<u>8.500.000</u>	<u>85.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ : Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.

Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549

Fax : (0633) 830 142

Email : ctyvtxdld@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **5800391633**

- Các Xí nghiệp thành viên:

Xí nghiệp Hiệp An

Địa chỉ : Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3913219

Fax : (063) 3840609

Mã số thuế : **5800391633 – 001**

Xí nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ

Địa chỉ : Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3848862

Fax : (063) 3620042

Mã số thuế : **5800391633 – 003**

Xí nghiệp Đá Cát

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3832512

Mã số thuế : **5800391633 – 004**

Xí nghiệp Hiệp Tiến

Địa chỉ : Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3868560

Fax : (063) 3868555

Mã số thuế : **5800391633 – 006**

Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực

Địa chỉ : 17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3552318

Mã số thuế : **5800391633 – 007**

- Công ty con: Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành.
- Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh

Ông Phạm Tuấn Anh

Ông Lương Minh Nhật

Ông Võ Xuân Sơn

Ông Lê Xuân Diệp

Ông Lê Đình Hiền

Ông Nguyễn Danh Cường

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Ông Vũ Ngọc Phách

Ông Hầu Văn Tuấn

Bà Đào Thị Tuyết Hạnh

Bà Phan Phạm Phú Nam Châu

Bà Mai Hồng Hạnh

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Lương Hùng Minh

Ông Võ Xuân Sơn

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó tổng Giám đốc

Kế toán Trưởng

Họ và tên

Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Chức vụ

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính kỳ kế toán này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán trong việc trình bày vốn điều lệ;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

VÕ XUÂN SƠN – Quyền Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, ngày 13 tháng 03 năm 2010

Số: 0062/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2010, từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2010

VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.763.933.833	89.519.359.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	26.038.744.251	20.061.870.307
1. Tiền	111		20.038.744.251	20.061.870.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	18.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	25.013.084.443	40.013.048.470
1. Phải thu khách hàng	131		21.685.784.773	13.291.223.530
2. Trả trước cho người bán	132		5.184.328.020	24.797.849.162
3. Các khoản phải thu khác	135		1.493.009.264	5.508.013.392
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.350.037.614)	(3.584.037.614)
IV. Hàng tồn kho	140		22.342.584.274	24.404.041.699
Hàng tồn kho	141	V.4	22.342.584.274	24.404.041.699
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.369.520.865	5.040.398.684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	543.909.006	644.847.894
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.922.265	557.748.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.915.424	914.085.551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.785.774.170	2.923.717.131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.211.214.942	78.290.958.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		97.301.375.577	74.387.052.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	89.066.290.325	51.988.472.783
Nguyên giá	222		153.933.099.783	104.593.494.985
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.866.809.458)	(52.605.022.202)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.637.865.040	1.900.370.683
Nguyên giá	228		4.031.900.373	3.990.030.423
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.394.035.333)	(2.089.659.740)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	6.597.220.212	20.498.209.462
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.240.441.088	1.098.090.588
1. Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	1.240.441.088	1.098.090.588
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.669.398.277	2.805.815.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.299.543.850	2.592.255.252
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		47.069.813	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		322.784.614	213.560.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.975.148.775	167.810.318.016

17B Phủ Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		68.131.797.634	93.392.274.841
I. Nợ ngắn hạn	310		44.184.921.378	49.305.396.213
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	16.871.929.630	15.794.767.928
2. Phải trả người bán	312	V.13	11.179.898.989	12.441.075.825
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	2.924.508.789	5.294.925.407
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.571.216.808	398.816.164
5. Phải trả người lao động	315		7.919.053.271	7.013.498.154
6. Chi phí phải trả	316		935.173.919	111.406.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	1.783.139.972	8.250.906.735
II. Nợ dài hạn	330		23.946.876.256	44.086.878.628
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	23.853.417.945	43.717.918.783
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		93.458.311	368.959.845
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.843.351.141	74.418.043.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	121.022.719.614	66.336.660.634
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	41.355.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	13.910.464.220
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.425.234.557)	(2.425.234.557)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		418.233.054	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.028.930.488	6.386.034.132
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.189.493.931	827.870.245
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.432.729.978	6.281.926.594
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.383.034.082	998.930.128
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.383.034.082	998.930.128
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		7.437.597.445	7.082.452.413
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.975.148.775	167.810.318.016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.052.863.586	1.052.863.586
2. Ngoại tệ các loại (USD)			
- Dollar Mỹ (USD)		533.361,51	89.435,87

Thành phố Đà Lạt, ngày 20 tháng 02 năm 2010

VÕ XUÂN SƠN
 Quyền Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

(Có so sánh số liệu năm 2008)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.187.584.263	131.370.123.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		158.604.321	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.028.979.942	131.370.123.608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	107.278.942.031	83.016.133.324
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			44.750.037.911	48.353.990.284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.298.752.517	580.427.342
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.642.113.695	5.361.878.674
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.518.722.730	4.611.388.277
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	13.581.752.894	9.618.255.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	15.476.845.267	20.067.494.873
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.348.078.572	13.886.788.857
11. Thu nhập khác	31		392.669.638	290.193.567
12. Chi phí khác	32		565.844.576	597.630.480
13. Lợi nhuận khác	40		(173.174.938)	(307.436.913)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	45		173.850.500	136.959.358
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.348.754.134	13.716.311.301
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.983.856.694	1.131.738.529
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(47.069.813)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.411.967.253	12.584.572.772
Trong đó:				
- Thuộc về chủ sở hữu Công ty mẹ			8.681.540.917	8.983.772.806
- Thuộc về cổ đông thiểu số			1.730.426.336	3.600.799.966
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/Cổ phiếu)	70		1.647	3.109

Thành phố Đà Lạt, ngày 20 tháng 02 năm 2010

VÕ XUÂN SƠN
Quyền Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay trước	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		12.348.754.134	13.716.311.301
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.566.162.849	8.613.142.452
- Các khoản dự phòng	03		(234.000.000)	4.542.470.722
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	30.842.384
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.267.252.517)	(459.130.431)
- Chi phí lãi vay	06		4.518.722.730	4.611.388.277
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		27.932.387.196	31.055.024.705
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.422.629.067	(14.249.594.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.061.457.425	(13.473.370.957)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.221.433.219)	14.022.255.024
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.606.349.710)	(1.284.658.590)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.518.722.730)	(4.611.388.277)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.174.479.937)	(1.931.762.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	830.000.578
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(626.358.085)	(1.489.468.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		26.269.130.007	8.867.036.719
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.480.485.498)	(50.911.588.830)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.000.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.000.000.000	31.000.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(142.350.500)	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.267.252.517	1.524.882.029
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(52.355.583.481)	(18.386.706.801)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		51.112.502.500	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.425.234.557)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.542.237.585	71.218.164.409
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55.329.576.721)	(42.946.775.333)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(680.069.000)	(4.528.638.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		31.645.094.364	21.317.516.519
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.558.640.890	11.797.846.437
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.061.870.307	8.264.023.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		418.233.054	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.038.744.251	20.061.870.307

Thành phố Đà Lạt, ngày 20 tháng 02 năm 2010

VÕ XUÂN SƠN
Quyền Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Hiệp Thành
 - + Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bô, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 58,48%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 58,48%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

- Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Tỷ lệ phần sở hữu: 35,00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2008 :	16.977 VND/USD
	31/12/2009 :	18.474 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;
- Công ty cổ phần Hiệp Thành áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;
- Công ty cổ phần Hiệp Phú áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các Công ty con:

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Mua lại các Công ty con

Các giao dịch mua lại với các đơn vị chịu kiểm soát chung được hạch toán theo giá trị ghi sổ trước giao dịch của tài sản và công nợ phát sinh từ giao dịch mua lại. Chênh lệch giữa các khoản thanh toán đã trả và giá trị ghi sổ liên quan trước giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản Vốn khác và được Báo cáo là “Chênh lệch giá trị các giao dịch mua lại giữa các đơn vị chịu kiểm soát chung”. Tập đoàn áp dụng chính sách không trình bày lại các số liệu so sánh như thể sự hợp nhất đã tồn tại trong suốt các kỳ Báo cáo được trình bày.

Các Công ty liên kết và liên doanh (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các Công ty liên kết và Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

6. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất trên Báo cáo theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm..

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.923.074.923	863.862.006
- Tiền gửi Ngân hàng	17.115.669.328	19.198.008.301
- Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
Cộng	26.038.744.251	20.061.870.307

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	18.000.000.000	-
Cộng	18.000.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn

- Phải thu khách hàng	21.685.784.773	13.291.223.530
- Trả trước cho người bán	5.184.328.020	24.797.849.162
- Các khoản phải thu khác (*)	1.493.009.264	5.508.013.392
- Dự phòng phải thu ngắn hạn (**)	(3.350.037.614)	(3.584.037.614)
Cộng	25.013.084.443	40.013.048.470

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(*) Chi tiết khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	44.055.283	3.682.164.881
- Xí nghiệp Đá Cát	44.233.653	43.421.331
- Xí nghiệp Xây Lắp	542.063.246	543.651.150
- Xí nghiệp Hiệp An	40.984.689	35.511.610
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	36.322.928	36.112.461
- Xí nghiệp Hiệp Lực	41.373.968	42.609.703
Phải thu cổ đông bên ngoài	549.109.244	1.031.785.003
- Các đối tượng khác	194.866.253	92.757.253
Cộng	1.493.009.264	5.508.013.392

(**) Chi tiết khoản dự phòng

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	(3.207.364.372)
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành	(142.673.242)
Cộng	(3.350.037.614)

4. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu	8.418.377.614	6.825.447.562
- Công cụ dụng cụ	330.265.338	917.107.913
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.440.285.513	4.904.144.755
- Thành phẩm	8.150.254.237	11.753.939.897
- Hàng hóa	3.401.572	3.041.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	22.342.584.274	24.404.041.699

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Văn phòng Công ty	-	100.025.971	100.025.971	-
Xí nghiệp Hiệp An	280.670.757	224.419.179	505.089.936	-
Xí nghiệp Hiệp Lực	156.873.512	257.615.425	373.435.145	41.053.792
Xí nghiệp Thanh Mỹ	140.245.902	-	140.245.902	-
Xí nghiệp Hiệp Tiến	34.618.583	268.723.429	139.433.640	163.908.372
Xí nghiệp Đá Cát	-	150.000.000	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	32.439.140	1.924.208.125	1.617.700.423	338.946.842
Cộng	644.847.894	2.924.992.129	3.025.931.017	543.909.006

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.702.511.852	2.923.717.131
- Xí nghiệp Hiệp An	25.123.000	-
- Xí nghiệp Hiệp Lực	26.310.445	-
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	13.420.000	-
- Xí nghiệp Thanh Mỹ	156.305.789	-
- Văn Phòng Công ty	178.885.660	-
- Xí nghiệp Đá Cát	-	-
- Xí nghiệp Xây Lắp	1.228.410.401	2.402.858.247
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	74.056.557	520.858.884
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	83.262.318	-
- Văn Phòng Công ty	83.262.318	-
Cộng	1.785.774.170	2.923.717.131

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	32.802.371.632	56.511.982.601	13.523.308.636	1.302.765.405	136.658.892	316.407.819	104.593.494.985
2. Tăng trong kỳ	17.869.062.884	27.823.032.641	2.982.830.228	233.417.936	431.261.109	-	49.339.604.798
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	50.671.434.516	84.335.015.242	16.506.138.864	1.536.183.341	567.920.001	316.407.819	153.933.099.783
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	16.300.886.556	29.330.637.254	5.678.676.215	973.483.705	125.702.322	195.636.150	52.605.022.202
2. Tăng trong năm	2.903.431.098	7.222.867.762	1.870.334.954	192.375.397	55.524.949	17.253.095	12.261.787.256
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	19.204.317.654	36.553.505.017	7.549.011.169	1.165.859.102	181.227.271	212.889.245	64.866.809.458
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	16.501.485.076	27.181.345.347	7.844.632.421	329.281.700	10.956.570	120.771.669	51.988.472.783
2. Số cuối năm	31.467.116.862	47.781.510.225	8.957.127.695	370.324.239	386.692.730	103.518.574	89.066.290.325

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mô, thăm dò	Chi phí đền bù, giải tỏa	Quyền sử dụng đất	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	340.449.325	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	3.990.030.423
2. Tăng trong kỳ	41.869.950	-	-	-	41.869.950
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	382.319.275	1.166.858.343	1.361.936.755	1.120.786.000	4.031.900.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	92.110.310	364.212.327	512.551.103	1.120.786.000	2.089.659.740
2. Tăng trong kỳ	65.356.854	94.812.795	144.205.944	-	304.375.593
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	157.467.164	459.025.122	656.757.047	1.120.786.000	2.394.035.333
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	248.339.015	802.646.016	849.385.652	-	1.900.370.683
2. Số cuối kỳ	224.852.111	707.833.221	705.179.708	-	1.637.865.040

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực	21.803.073	-
Trạm trộn bê tông	20.955.500	313.012.264
Dự án Hiệp An	2.548.798.152	19.947.095.605
Xí nghiệp Hiệp Tiến	-	12.530.000
Xí nghiệp Đá Cát - 2009	1.846.155.693	-
Dự án Caolan Trại mát	1.983.468.444	9.090.909
Dự án nhà máy gạch Thanh Mỹ	102.000.000	-
Lò nung thí nghiệm	74.039.350	74.039.350
Xe gòong	-	142.441.334
Cộng	6.597.220.212	20.498.209.462

10. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

1.240.441.088

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiệp Phú với tỷ lệ là 35%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Văn phòng Công ty	1.208.703.494	1.650.191.511	494.668.907	2.364.226.098
Xí nghiệp Hiệp An	-	2.808.814.011	1.258.727.786	1.550.086.225
Xí nghiệp Thanh Mỹ	654.613.353	77.182.052	242.000.000	489.795.405
Xí nghiệp Đá Cát	679.191.458	477.640.000	329.577.150	827.254.308
Xí nghiệp Hiệp Tiến	-	109.090.909	40.909.095	68.181.814
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	49.746.947	-	49.746.947	-
Cộng	2.592.255.252	5.122.918.484	2.415.629.885	5.299.543.850

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	16.871.929.630	15.703.403.928
- Ngân hàng	16.871.929.630	15.703.403.928
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	91.364.000
Cộng	16.871.929.630	15.794.767.928

Chi tiết khoản vay

Khoản vay	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng NN&PTNT CN Lâm Đồng	795.600.000	663.704.000	1.068.104.000	391.200.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	6.070.113.900	6.593.449.540	6.070.113.900	6.593.449.540
Ngân hàng công thương	8.837.690.028	22.908.160.514	21.858.570.452	9.887.280.090
Nợ dài hạn đến hạn trả	91.364.000	-	91.364.000	-
Cộng	15.794.767.928	30.165.314.054	29.088.152.352	16.871.929.630

Vay Ngân hàng Công thương

➤ Hợp đồng vay số 09220011/HĐTDHM ngày 22/01/2009

+ Hạn mức cho vay	4.000.000.000
+ Thời hạn vay	12 tháng
+ Mục đích vay	Sản xuất Cao lanh tại Nhà máy Hiệp Tiến
+ Lãi suất	0,97%/tháng, thay đổi theo QĐ của TGD NH Công thương, lãi suất quá hạn bằng 50% Lãi suất trong hạn
+ Tài sản đảm bảo	Không

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Hợp đồng vay số 08220011/HĐTDHM ngày 22/01/2008
 - + Hạn mức cho vay 5.000.000.000
 - + Thời hạn vay 12 tháng
 - + Mục đích vay Sản xuất Cao lanh tại Nhà máy Hiệp Tiến
 - + Lãi suất 1,1%/tháng, thay đổi theo QĐ của TGD NH Công thương, lãi suất quá hạn bằng 50% Lãi suất trong hạn
 - + Tài sản đảm bảo Không

Vay Ngân hàng BIDV

- Hợp đồng vay số 01/09/HĐ ngày 30/06/2009
 - + Số tiền vay 2.400.000.000
 - + Thời hạn vay 6 tháng
 - + Mục đích vay Thanh toán chi phí khai thác Bentonite
 - + Lãi suất 0,875% tháng
 - + Tài sản đảm bảo Không
- Hợp đồng vay số 03/09/HĐ ngày 08/12/2009
 - + Số tiền vay 1.049.719.729
 - + Thời hạn vay 6 tháng
 - + Mục đích vay Thanh toán chi phí khai thác Bentonite
 - + Lãi suất 1% tháng
 - + Tài sản đảm bảo Không
- Hợp đồng vay số 04/09/HĐ ngày 10/12/2009
 - + Số tiền vay 1.135.052.511
 - + Thời hạn vay 2 tháng
 - + Mục đích vay Thanh toán chi phí khai thác Bentonite
 - + Lãi suất 1% tháng
 - + Tài sản đảm bảo Không

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xí nghiệp Hiệp An	1.020.823.436	718.582.990
- Xí nghiệp Hiệp Lực	1.654.782.673	740.665.792
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	1.945.686.150	954.935.666
- Xí nghiệp Thanh Mỹ	226.022.350	18.300.000
- Văn Phòng Công ty	3.510.655.477	7.630.431.528
- Xí nghiệp Đá Cát	1.539.886.463	984.866.236
- Xí nghiệp Xây Lắp	499.847.470	549.847.470
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	782.194.970	843.446.143
Cộng	11.179.898.989	12.441.075.825

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xí nghiệp Hiệp An	37.433.500	21.728.287
- Xí nghiệp Hiệp Lực	198.498.500	-
- Xí nghiệp Hiệp Tiến	40.242.020	40.242.020
- Xí nghiệp Thanh Mỹ	120.854.050	270.253.775
- Văn Phòng Công ty	1.536.951.048	3.180.191.735
- Xí nghiệp Đá Cát	150.832.000	243.443.000
- Xí nghiệp Xây Lắp	659.272.000	1.448.458.263
- Công ty cổ phần Hiệp Thành	180.425.671	90.608.327
Cộng	2.924.508.789	5.294.925.407

15. Thuế và các khoản phải nộp khác

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
I.	Thuế	(577.094.251)	11.605.219.403	8.636.319.713	2.391.805.439
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	104.207.411	5.457.475.028	5.051.665.436	510.017.003
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	118.605.644	118.605.644	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	237.688.198	237.688.198	-
3.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	452.909	452.909	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(770.878.251)	3.296.415.317	1.174.479.937	1.351.057.129
	+ Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	(900.613.547)	2.937.763.854	1.037.942.290	999.208.017
	+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành	129.735.296	358.651.463	136.537.647	351.849.112
5.	Thuế tài nguyên	59.609.720	1.966.823.375	1.505.271.536	521.161.559
	+ Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	71.260.160	1.810.705.930	1.434.710.531	447.255.559
	+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành	(11.650.440)	156.117.445	70.561.005	73.906.000
6.	Tiền thuê đất (*)	(1.821.564)	437.007.209	438.993.917	(3.808.272)
7.	Các loại thuế khác	31.788.433	90.751.723	109.162.136	13.378.020
	Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
	Thuế thu nhập cá nhân	31.788.433	79.751.723	98.162.136	13.378.020
	+ Công ty Cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	27.281.343	75.771.623	89.567.794	13.485.172
	+ Công ty Cổ phần Hiệp Thành(*)	4.507.090	3.980.100	8.594.342	(107.152)
II.	Các khoản phải nộp khác	61.824.864	827.243.952	713.572.871	175.495.945
	Phí bảo vệ môi trường	61.824.864	810.435.946	696.764.865	175.495.945
	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	16.808.006	16.808.006	-
	Cộng	(515.269.387)	12.432.463.355	9.349.892.584	2.567.301.384

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(*) Khoản thuế được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	319.827.981	171.925.427
- Bảo hiểm xã hội	173.996.652	43.545.106
- Bảo hiểm Y tế	26.714.358	-
- Phải trả khác	1.275.537.367	8.035.436.202
Cộng	1.796.076.358	8.250.906.735

17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn	23.853.417.945	43.717.918.783
- Ngân hàng Công thương	21.352.842.060	22.647.576.773
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng	2.500.575.885	18.349.020.818
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Lâm Đồng	-	621.076.833
- Ngân hàng Ngoại thương	-	460.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT - CN Lâm Đồng	-	1.640.244.359
Cộng	23.853.417.945	43.717.918.783

Chi tiết khoản vay

Khoản vay	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng Phát triển	621.076.833	-	621.076.833	-
Ngân hàng Ngoại Thương	460.000.000	-	460.000.000	-
Ngân hàng Công thương	22.639.461.003	5.060.147.646	6.346.766.589	21.352.842.060
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	18.357.136.588	1.316.775.885	17.173.336.588	2.500.575.885
Ngân hàng NN & PTNT CN Lâm Đồng	1.640.244.359	-	1.640.244.359	-
Cộng	43.717.918.783	6.376.923.531	26.241.424.369	23.853.417.945

- Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 tại NH Đầu tư và Phát triển
 - + Số tiền vay 5.500.000.000
 - + Thời hạn vay 84 tháng
 - + Mục đích vay Đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực
 - + Lãi suất 1,46%/tháng
 - + Tài sản đảm bảo Không
- Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 tại Ngân hàng Công Thương
 - + Số tiền vay 19.500.000.000
 - + Thời hạn vay 9 năm
 - + Mục đích vay Đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An
 - + Lãi suất 1,3%/tháng
 - + Tài sản đảm bảo Theo hợp đồng thế chấp TS, GT Tài sản đảm bảo 39.973.200.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 tại Ngân hàng Công Thương
 - + Số tiền vay 2.500.000.000
 - + Thời hạn vay 60 tháng
 - + Mục đích vay Đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn nhiên liệu, thiết bị sàng phân ly samốt và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tấm Carbon silic và trụ nung.
 - + Lãi suất 1,06%/tháng
 - + Tài sản đảm bảo Theo hợp đồng thế chấp TS, GT Tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND
- Hợp đồng vay số 0908000100620/2009/000 ngày 03/09/2009 tại Ngân hàng Công Thương
 - + Số tiền vay 3.300.000.000
 - + Thời hạn vay 60 tháng
 - + Mục đích vay Đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng
 - + Lãi suất 10,5%/năm (0,875%/tháng)
 - + Tài sản đảm bảo Theo hợp đồng thế chấp TS số 09080001, GT Tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND

18. Vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục số I (trang 28)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
- Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	3.577.000.000	8,65%
- Vốn góp của các cổ đông	85.000.000.000	100,00%	37.778.600.000	91,35%
- Thặng dư vốn cổ phần	21.378.566.720		13.910.464.220	
- Cổ phiếu quỹ	(2.425.234.557)		(2.425.234.557)	
Cộng	103.953.332.163	100,00%	52.840.829.663	100,00%

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	4.135.560
+ Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	4.135.560
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000	150.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.350.000	3.985.560
+ Cổ phiếu phổ thông	8.350.000	3.985.560
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi : Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	152.187.584.263	131.370.123.608
Doanh thu thuần	<u>152.187.584.263</u>	<u>131.370.123.608</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.278.942.031	83.016.133.324
Cộng	<u>107.278.942.031</u>	<u>83.016.133.324</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi , tiền cho vay	1.298.752.517	556.602.958
- Lãi tiền cho vay và lãi hợp tác kinh doanh	-	21.824.384
Cộng	<u>1.298.752.517</u>	<u>578.427.342</u>

4. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	4.518.722.730	4.611.388.277
- Khác	123.390.965	750.490.397
Cộng	<u>4.642.113.695</u>	<u>5.361.878.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1.169.422.852	743.764.047
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.536.388.196	2.054.055.193
- Chi phí công cụ, dụng cụ	105.134.900	197.608.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.909.309	602.258.727
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.966.598.291	5.555.209.627
- Chi phí bằng tiền khác	1.254.299.346	465.359.479
Cộng	13.581.752.894	9.618.255.222

6. Chi phí quản lý

- Chi phí nhân viên	9.013.765.449	8.916.301.117
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	956.708.916	1.038.629.359
- Chi phí công cụ, dụng cụ	514.263.859	512.142.490
- Thuế, phí và lệ phí	339.176.025	263.887.354
- Chi phí dự phòng	-	4.542.470.722
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	986.846.446	1.025.102.624
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.085.604	690.029.270
- Chi phí bằng tiền khác	3.028.998.968	3.078.931.937
Cộng	15.476.845.267	20.067.494.873

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.586.517.166	53.886.455.120
- Chi phí nhân công	29.966.252.287	34.068.042.435
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.017.357.190	8.613.142.452
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.082.545.715	29.235.228.414
- Chi phí khác	1.820.070.689	4.776.569.926
Cộng	163.472.743.047	130.579.438.347

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.983.856.694	1.131.738.529
Cộng	1.983.856.694	1.131.738.529

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	47,36	53,35
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	52,64	46,65
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,42	55,65
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,58	40,13
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,82
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,62	1,32
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,09	10,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,82	9,58
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,22	8,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,24	7,50
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,57	18,69

Tp. Đà Lạt, ngày 20 tháng 02 năm 2010

VÕ XUÂN SƠN
Quyền Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục số I

Đơn vị tính: VND									
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.355.600.000	13.910.464.220	55.778.520	-	4.432.944.600	602.898.826	(89.367.036)	-	60.268.319.130
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	12.584.572.772	-	12.584.572.772
Thuế TNDN năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	1.504.595.590	-	(1.504.595.590)	-	-
Tăng khác	-	-	-	(2.425.234.557)	12.133.845	-	82.599.245	-	(2.330.501.467)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.564.561.139)	-	(3.564.561.139)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	539.931.407	224.971.420	(995.721.658)	-	(230.818.831)
Giảm khác	-	-	55.778.520	-	103.571.310	-	231.000.000	-	390.349.830
Số dư cuối năm trước	41.355.600.000	13.910.464.220	-	(2.425.234.557)	6.386.034.132	827.870.246	6.281.926.594	-	66.336.660.635
Số dư đầu năm nay	41.355.600.000	13.910.464.220	-	(2.425.234.557)	6.386.034.132	827.870.246	6.281.926.593	-	66.336.660.634
Tăng vốn trong năm	43.644.400.000	7.518.102.500	-	-	-	-	-	-	51.162.502.500
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	10.411.967.253	-	10.411.967.253
Thuế TNDN năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	977.455.470	-	(977.455.470)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	46.826.022	-	-	418.233.054	465.059.076
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(5.952.118.365)	-	(5.952.118.365)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.054.635.062	393.080.841	(2.170.340.033)	-	(722.624.130)
Giảm khác	-	(50.000.000)	-	-	(436.020.198)	(31.457.156)	(161.250.000)	-	(678.727.354)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.493.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
	-	-		-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
17 B Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT

Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	89.519.359.160	93.763.933.833
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		20.061.870.307	26.038.744.251
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	18.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		40.013.048.470	25.013.084.443
4	Hàng tồn kho		24.404.041.699	22.342.584.274
5	Tài sản ngắn hạn khác		5.040.398.684	2.369.520.865
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	78.290.958.856	104.211.214.942
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		74.387.052.928	97.301.375.577
	- Tài sản cố định hữu hình		51.988.472.783	89.066.290.325
	- Tài sản cố định vô hình		1.900.370.683	1.637.865.040
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		20.498.209.462	6.597.220.212
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.098.090.588	1.240.441.088
5	Tài sản dài hạn khác		2.805.815.340	5.669.398.277
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	167.810.318.016	197.975.148.775
IV	Nợ phải trả	Đồng	93.392.274.841	68.131.797.634
1	Nợ ngắn hạn		49.305.396.213	44.184.921.378
2	Nợ dài hạn		44.086.878.628	23.946.876.256
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	74.418.043.175	129.843.351.141
1	Vốn chủ sở hữu		66.336.660.634	121.022.719.614
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.355.600.000	85.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		13.910.464.220	21.378.566.720
	- Cổ phiếu quỹ		(2.425.234.557)	(2.425.234.557)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	418.233.054
	- Quỹ đầu tư phát triển		6.386.034.132	8.028.930.488
	- Quỹ dự phòng tài chính		827.870.245	1.189.493.931
	- Quỹ khác của chủ sở hữu		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.281.926.594	7.432.729.978
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		998.930.128	1.383.034.082
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		998.930.128	1.383.034.082
	- Nguồn kinh phí			
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số		7.082.452.413	7.437.597.445
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	167.810.318.016	197.975.148.775

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Lũy kế đến cuối quý này
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	152.187.584.263	152.187.584.263
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		158.604.321	158.604.321
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.028.979.942	152.028.979.942
4	Giá vốn hàng bán		107.278.942.031	107.278.942.031
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.750.037.911	44.750.037.911
6	Doanh thu hoạt động tài chính		1.298.752.517	1.298.752.517
7	Chi phí tài chính		4.642.113.695	4.642.113.695
8	Chi phí bán hàng		13.581.752.894	13.581.752.894
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.476.845.267	15.476.845.267
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		12.348.078.572	12.348.078.572
11	Thu nhập khác		392.669.638	392.669.638
12	Chi phí khác		565.844.576	565.844.576
13	Lợi nhuận khác		(173.174.938)	(173.174.938)
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		173.850.500	173.850.500
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.348.754.134	12.348.754.134
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.936.786.881	1.936.786.881
	<i>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>		<i>1.983.856.694</i>	<i>1.983.856.694</i>
	<i>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>		<i>(47.069.813)</i>	<i>(47.069.813)</i>
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.411.967.253	10.411.967.253
	<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		<i>1.730.426.336</i>	<i>1.730.426.336</i>
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>		<i>8.681.540.917</i>	<i>8.681.540.917</i>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.647	1.647
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

Đà Lạt, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

Tổng Giám Đốc